

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc uỷ quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh”; Quyết định số 1705/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5470/TTr-STNMT ngày 26/11/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà tại Văn bản số 35/CVVLXDHH ngày 12/8/2024 và hồ sơ liên quan; ý kiến của Tổ thẩm định tại văn bản số 2127/STNMT-MT ngày 04/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 58/CV-VLXDHH ngày 19/11/2024 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà kèm theo hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện); ý kiến đồng ý của các Thành viên UBND tỉnh qua Phiếu biểu quyết.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà (địa chỉ: Tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” với các nội dung sau đây:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên dự án đầu tư: Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3001680762, do Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 30/5/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 3001680762.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi thực hiện trên tổng diện tích 11,3ha.

- Công suất khai thác 1.000.000m<sup>3</sup> đất nguyên khai/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu về cải tạo, phục hồi môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà (đơn vị đề xuất), UBND thị xã Kỳ Anh (đơn vị phối hợp, kiểm tra, giám sát thực hiện), Tổ thẩm định (theo Quyết định số 251/QĐ-STNMT ngày 19/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan tổng hợp, thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo và đề xuất tại các Tờ trình và Văn bản nêu trên và quá trình thực hiện, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vật liệu xây dựng Hồng Hà sau khi được cấp Giấy phép môi trường:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

- Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 4.** Thời hạn của Giấy phép: Đến hết ngày 24 tháng 8 năm 2027 (Theo thời hạn của Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 1705/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh).

**Điều 5.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khai thác mỏ đất san lấp Mũi Đồi, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh (phụ trách);
- Công ty TNHH TMDV và VLXD Hồng Hà;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL<sub>3</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Bái Hà**

**Phụ lục 01**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải, nước mưa chảy tràn:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên làm việc tại mỏ.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe.
- Nguồn số 03: Nước mưa chảy tràn tại khai trường khai thác.

**2. Dòng nước mưa chảy tràn, nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận và vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:**

**2.1. Dòng nước thải, nước mưa chảy tràn:**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn đặt ngầm dưới nhà vệ sinh di động đặt gần điểm mốc B được dẫn cùng nước thải từ quá trình rửa tay chân vào hố lắng số 02 và dẫn về hố lắng số 01 để xử lý lắng lọc, khử trùng; sau đó dẫn ra mương thoát nước rồi chảy ra khe Đá Mài.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe: được thu gom dẫn vào hố lắng số 02 và dẫn về hố lắng số 01 để xử lý lắng lọc, khử trùng; sau đó dẫn ra mương thoát nước rồi chảy ra khe Đá Mài.

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường khai thác: được thu gom dẫn về hố lắng (hố lắng 1, 3, 4) để xử lý, sau đó dẫn ra mương thoát nước rồi chảy ra khe Đá Mài.

**2.2. Nguồn tiếp nhận, vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:**

2.2.1. Nguồn tiếp nhận: Khe Đá Mài, thuộc tổ dân phố Đông Trinh, phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải, nước mưa chảy tràn:

- Tọa độ xả nước thải sau hố lắng số 1: X: 1992706; Y: 589706 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tọa độ xả nước thải sau hố lắng số 3: X: 1992474; Y: 589954 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

- Tọa độ xả nước thải sau hố lắng số 4: X: 1992257; Y: 589917 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sinh hoạt:  $1,52\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$  (tương đương  $0,063\text{m}^3/\text{h}$ ).

- Nước thải phát sinh từ hoạt động xịt rửa bánh xe:  $23,5\text{m}^3/\text{ngày}$  (tương đương  $0,98\text{m}^3/\text{h}$ ).

- Nước mưa chảy tràn tại khai trường khai thác:  $727,91\text{m}^3/\text{h}$ .

2.2.4. *Phương thức xả nước thải, nước mưa chảy tràn: tự chảy.*

2.2.5. *Chế độ xả nước thải:*

- Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh từ xịt rửa bánh xe: xả gián đoạn theo các thời điểm trong ngày;

- Đối với nước mưa chảy tràn tại khai trường khai thác: xả gián đoạn vào thời điểm có mưa.

2.2.6. *Chất lượng nước thải, nước mưa chảy tràn trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Chất lượng các dòng nước thải cùng với nước mưa chảy tràn tại khai trường khai thác trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A,  $K_q = 0,9$ ,  $K_f = 1,0$  - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$ , $K_f = 1,0$
1	pH	-	6 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	27
3	COD	mg/l	67,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45
5	Chì	mg/l	0,09
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
7	Tổng nitơ	mg/l	18
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	3,6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
10	Sắt	mg/l	0,9
11	Mangan	mg/l	0,45
12	Tổng Coliform	VK/100 ml	3.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI VÀ NƯỚC MƯA CHẢY TRÀN:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:**

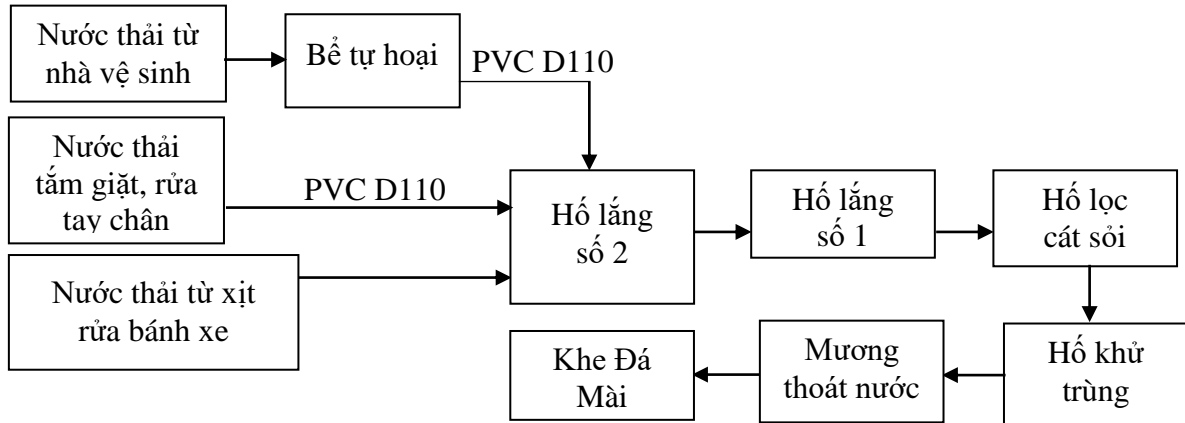
**1.1.1. Nước thải sinh hoạt và Nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe:**

- Nước thải sinh hoạt: bao gồm nước thải từ quá trình đào thải của cán bộ, nhân viên làm việc tại mỏ được thu gom vào 01 bể tự hoại đặt ngầm dưới nhà vệ sinh di động đặt gần điểm mốc B để xử lý bằng phương pháp phân hủy kỵ khí và nước thải từ hoạt động tắm giặt, rửa tay chân được dẫn theo ống PVC D110 về

hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01, sau đó chảy qua hố lọc cát sỏi và hố khử trùng. Nước thải sau xử lý được chảy vào mương thoát nước bằng đất và chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài.

- Nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe được được dẫn bằng đường ống PVC D110 vào hố lắng số 02 sau đó chảy về hố lắng số 01, rồi chảy qua hố lọc cát sỏi và hố khử trùng. Nước thải sau xử lý được chảy vào mương thoát nước bằng đất và chảy ra nguồn tiếp nhận là khe Đá Mài.

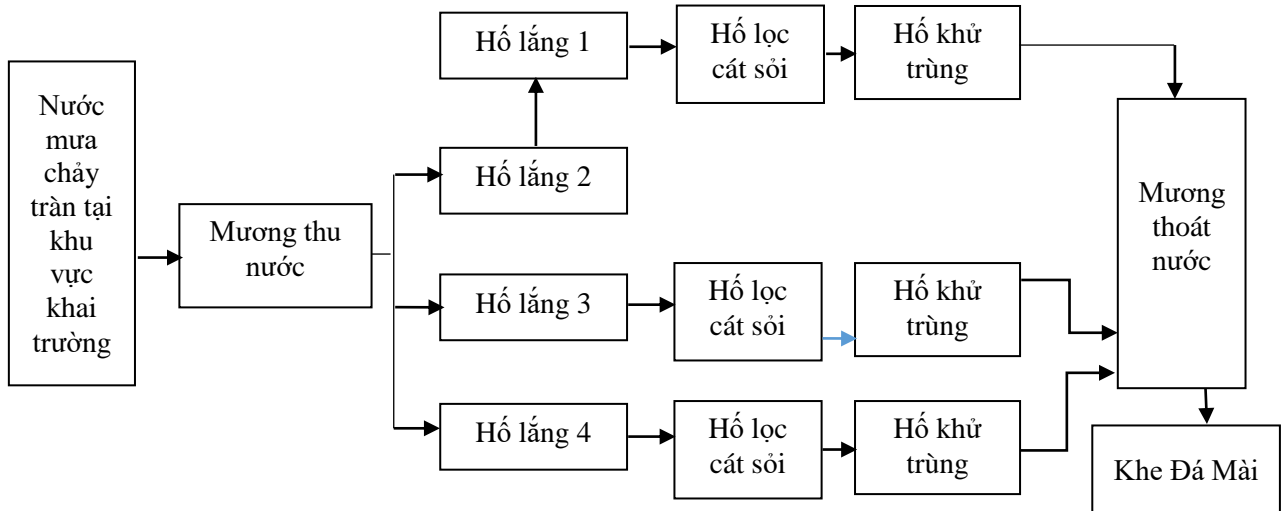
*Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe:*



#### 1.1.2. Nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường:

Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống mương đất xung quanh khu vực khai thác, theo 3 dòng chảy: một dòng chảy lần lượt qua hố lắng số 2 sang hố lắng số 1, sau đó chảy qua hố lọc cát sỏi và hố khử trùng, rồi chảy ra hệ thống mương thoát nước chảy ra khe Đá Mài; một dòng chảy qua hố lắng số 3, sau đó chảy qua hố lọc cát sỏi và hố khử trùng, rồi chảy ra hệ thống mương thoát nước chảy ra khe Đá Mài; một dòng chảy qua hố lắng số 4, sau đó chảy qua hố lọc cát sỏi và hố khử trùng, rồi chảy ra hệ thống mương thoát nước chảy ra khe Đá Mài.

*Sơ đồ thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường:*



#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn:

- 01 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 2,0m<sup>3</sup> (kích thước DxRxH = 1,0m x 2,0m x 1,0m), kết cấu bằng gạch xây, để xử lý nước thải sinh hoạt bằng phương

pháp phân hủy kỵ khí.

- Hệ thống hồ lắng gồm 4 hồ, kết cấu bằng đất, kích thước:
  - + Hồ lắng số 1: Thể tích  $525\text{m}^3$  ( $D \times R \times C = 14\text{m} \times 12,5\text{m} \times 3\text{m}$ ).
  - + Hồ lắng số 2: Thể tích  $75\text{m}^3$  ( $D \times R \times C = 5\text{m} \times 5\text{m} \times 3\text{m}$ ).
  - + Hồ lắng số 3: Thể tích  $300\text{m}^3$  ( $D \times R \times C = 10\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$ ).
  - + Hồ lắng số 4: Thể tích  $300\text{m}^3$  ( $D \times R \times C = 10\text{m} \times 10\text{m} \times 3\text{m}$ ).
- 03 hồ lọc cát sỏi, thể tích mỗi hồ  $12\text{m}^3$  (kích thước  $D \times R \times C = 2,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 3,0\text{m}$ ) ; 03 hồ khử trùng thể tích mỗi hồ  $12\text{m}^3$  (kích thước  $D \times R \times C = 2,0\text{m} \times 2,0\text{m} \times 3,0\text{m}$ ).
- Mương thu gom nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường khai thác: dài khoảng 1.037m; kích thước rộng mặt 1,5m, rộng đáy 1,0m, sâu 1,0m.
- Hệ thống đường ống PVC D110 (dài 24m) để dẫn nước thải sinh hoạt về hồ lắng; đường ống PVC D110 (dài 10m) để dẫn nước thải từ quá trình xịt rửa bánh xe về hồ lắng.
- Mương thoát nước sau các hệ thống xử lý nước thải, nước mưa: dài khoảng 750m; kích thước rộng mặt 1,5m, rộng đáy 1,0m, sâu 1,0m.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động xịt rửa bánh xe) và nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường khai thác của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải, nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường khai thác gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 02**

**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải:**

- Bụi, khí thải từ hoạt động bóc đất tầng phủ, khai thác, bóc xúc tập kết, bán sản phẩm;

- Bụi, khí thải từ máy móc, phương tiện hoạt động trên khu vực khai thác và từ phương tiện giao thông ra vào vận chuyển sản phẩm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:**

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả bụi, khí thải.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:**

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và yêu cầu công nhân sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Thực hiện phun nước làm ẩm trên tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ ra tuyến tránh QL1A. Tần suất phun ẩm vào những ngày khô hanh, nắng nóng là 4 lần/ngày, vào những ngày bình thường là 2 lần/ngày.

- Thùng xe vận tải chở đất phải được phủ bạt, chở đúng trọng tải quy định;

- Phương tiện, thiết bị hoạt động trên khu vực khai thác và phương tiện vận chuyển phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; định kỳ kiểm định, bảo dưỡng theo quy định.

- Định kỳ kiểm tra, cải tạo, nâng cấp những chỗ hư hỏng trên tuyến đường giao thông nội mỏ ra tuyến tránh QL1A.

- Xịt rửa bánh xe trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực mỏ.

- Tăng cường trồng, chăm sóc hệ thống cây xanh xung quanh khu vực nhà điều hành, khu vực mỏ.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh tại dự án theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này.

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu hoạt động khai thác làm phát sinh bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án.

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động



làm phát tán bụi, khí thải gây ra./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Phụ lục 03**

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ỒN:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:**

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị đào xúc, vận chuyển đất, xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:**

Tại vị trí khai thác đất, dọc các tuyến đường giao thông nội mỏ,...

**3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:**

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	Tối thiểu 1 lần/năm	Khai trường khai thác
2	65	65	Tối thiểu 1 lần/năm	Nhà điều hành

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, vặn chặt ốc vít máy móc, phương tiện chống rơ, chống rung giảm thiểu phát sinh tiếng ồn.

- Đối với người lao động phải được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động để giảm âm tiếng ồn như nút bịt tai, mũ áo bảo hộ,...

- Tăng cường trồng, chăm sóc hệ thống cây xanh xung quanh khu vực nhà điều hành, khu vực xung quanh mỏ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**Phụ lục 04**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Chất thải nguy hại phát sinh:**

STT	Tên chất thải	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dầu mỡ động cơ bôi trơn thải	NH	17 02 03	7,6
2	Giẻ lau dính dầu mỡ (bị nhiễm các thành phần nguy hại) thải	KS	18 02 01	2,0
3	Can nhựa (đã chứa dầu mỡ, khi thải ra là CTNH) thải	KS	18 01 03	2,0
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	NH	16 01 06	0,5
5	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	KS	08 02 01	1,0
<b>Tổng</b>				<b>13,1</b>

**1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường và đất bóc tầng phủ phát sinh:**

- Đất bóc tầng phủ: khối lượng khoảng 7.740m<sup>3</sup>.

- Sinh khối thực vật: khối lượng khoảng 2,91 tấn.

- Chất thải từ quá trình tháo dỡ trạm cân xe, điểm xịt rửa bánh xe sau khi khai thác xong: khối lượng khoảng 05 tấn.

- Bùn cặn từ bể tự hoại: khối lượng khoảng 864kg/năm.

- Bùn thải từ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hồ lắng: khối lượng khoảng 144m<sup>3</sup>/năm.

**1.3. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: bao bì nilon, giấy loại, hộp nhựa, chai lọ thủy tinh, vỏ lon bia, rau củ quả hỏng, thức ăn dư thừa,... với khối lượng khoảng 5,7kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát (CTCNPKS):**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí đủ các thùng nhựa đựng CTNH, CTCNPKS (dung tích khoảng 50 lít/thùng), có nắp đậy, dán nhãn, phân loại chất thải đặt trong nhà chứa chất thải.

**2.1.2. Khu vực lưu chứa:**

Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS: diện tích 2,25 m<sup>2</sup>, được bao kín và có mái che bằng tôn; có biển báo chất thải nguy hại; mặt sàn bằng bê tông không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

### 2.1.3. Biện pháp thu gom, xử lý:

Chủ dự án chịu trách nhiệm thu gom, phân định, phân loại, lưu chứa chất thải tại Kho lưu giữ CTNH, CTCNPKS và ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, đất bóc tầng phủ:

- Đất bóc tầng phủ: lưu giữ tại bãi chứa đất (tạm thời) diện tích 2.500m<sup>2</sup> trong khu vực mở để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Sinh khối thực vật: cho người dân tận dụng làm chất đốt, phần còn lại được tập trung về khu vực lưu giữ cùng đất bóc hữu cơ, ủ tạo mùn để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bùn nạo vét hồ lắng, mương thoát nước: được thu gom đưa về lưu giữ với đất bóc hữu cơ để phục vụ cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bùn cặn từ bể tự hoại: hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng bơm hút, nạo vét, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ và biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng chứa dung tích khoảng 60 lít/thùng có màu sắc khác nhau để thu gom, phân loại và lưu chứa riêng từng loại chất thải rắn sinh hoạt tại nhà điều hành.

#### 2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 2,25m<sup>2</sup>, có mái che, lợp tôn.

#### 2.3.3. Biện pháp thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng (như giấy, thùng carton hoặc các loại lon đựng nước giải khát,...) được thu gom vào thùng riêng, định kỳ bán phế liệu.

- Đối với chất thải thực phẩm hỏng và chất thải rắn còn lại được đựng riêng từng loại; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của địa phương và quy định của pháp luật.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

### 1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố trượt lở:

- Khai thác theo đúng thiết kế mở được thẩm định phê duyệt, thực hiện đúng trình tự khai thác theo các thông số của hệ thống khai thác; không khai thác tại ranh giới hành lang an toàn tuyến đường điện và cột điện 500KV; luôn thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối trong khai thác mỏ với hành lang an toàn tuyến đường điện, cột điện 500KV gần khu vực mỏ.

- Không thực hiện khai thác vào các ngày mưa hoặc vừa có mưa lớn xảy ra.

- Bố trí cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra, quan sát độ ổn định của bờ moong khai thác.

- Khai thác đến đâu thực hiện gia cố bờ moong đến đó.

- Đo vẽ định kỳ hàng năm địa hình khu vực khai trường, trong đó bao gồm các nội dung trắc địa bờ mỏ, tầng khai thác, taluy.

- Giữ lại cây xanh trên các khu vực chưa khai thác nhằm tăng khả năng giữ đất, hạn chế xói mòn, trôi trượt lở đất.

## **2. Phòng chống, ứng phó sự cố cháy nổ:**

- Bố trí các thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại các vị trí thuận lợi; lắp đặt máy bơm, vòi dự phòng, các biển báo, nội quy tại các vị trí có nguy cơ xảy ra sự cố.

- Tất cả các cán bộ, công nhân viên phải được tập huấn công tác phòng cháy, nổ theo đúng kỹ thuật an toàn lao động cháy, nổ hiện hành.

- Định kỳ dọn vệ sinh, giảm khối lượng sinh khối khô dễ cháy ven đường đi đầu mùa khô. Chặt bỏ cây cỏ, lau, sậy tạp bụi, chỉ để lại những cây lá rộng có khả năng ngăn lửa.

- Thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về phòng cháy và chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với chủ rừng, cơ quan, tổ chức xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng; không gây nguy hiểm cháy đối với các khu rừng.

- Lập bảng nội quy cảnh báo cấm lửa khu vực tiếp giáp với rừng.

- Đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn an toàn phòng chống cháy, nổ,... theo hồ sơ thẩm duyệt của cơ quan quản lý chuyên ngành và theo quy định của pháp luật.

## **3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố bom mìn:**

Chủ dự án thực hiện rà phá bom mìn thông qua Hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định, chỉ thực hiện khai thác sau khi hoàn thành rà phá bom mìn.

## **4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác:**

Thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

**Phụ lục 05**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Trên cơ sở Báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 27/5/2024, Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung cơ bản sau:

**1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:**

- Đối với khai trường khai thác: củng cố bờ moong; lập hàng rào, biển báo xung quanh moong; đào mương thoát nước đáy moong; san gạt đáy moong; tháo dỡ, di chuyển trạm cân; trồng cây keo lá tràm mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với nhà điều hành: tháo dỡ các thiết bị, công trình đã xây dựng lắp đặt trong quá trình thực hiện dự án, tiến hành san gạt, cày xới để trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với hồ lắng, bãi chứa đất bóc tầng phủ: san lấp hồ lắng, tạo mặt bằng bãi chứa đất bóc tầng phủ để trồng cây keo lá tràm với mật độ 1.660 cây/ha, chăm sóc và trồng dặm 3 năm.

- Đối với khu vực ngoài phạm vi mỏ: Cải tạo tuyến đường vào mỏ và thực hiện các hạng mục cải tạo khác có liên quan.

**2. Kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:**

Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá): 696.170.000 đồng (Sáu trăm chín mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng), trong đó:

+ Số tiền đã ký quỹ đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 (theo báo cáo, chứng từ nộp tiền ký quỹ hàng năm của đơn vị) là 153.963.000 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

+ Số tiền còn lại phải ký quỹ là 542.207.000 đồng (Năm trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm linh bảy nghìn đồng).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 02 lần (theo Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 1705/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của UBND tỉnh).

- Thời gian và số tiền ký quỹ: mỗi năm 01 lần; thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ. Số tiền ký quỹ, cải tạo, phục hồi môi trường (làm tròn) năm tiếp theo là: 261.063.750 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và năm cuối

cùng là 281.143.250 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Số tiền ký quỹ trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Chủ dự án khi kê khai nộp tiền ký quỹ phải tính đến yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng Cục Thống kê cho tỉnh Hà Tĩnh hoặc của cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Hà Tĩnh. Số tài khoản 132704070077777 tại Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hà Tĩnh.

### 3. Thời gian thực hiện:

Hoạt động	Thời gian bắt đầu thực hiện	Tiến độ thực hiện	Cơ quan kiểm tra	Cơ quan thực hiện
<b>Cải tạo moong khai thác</b>				
Củng cố bờ moong	Trong quá trình khai thác và sau khi kết thúc khai thác	1,5 tháng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thị xã Kỳ Anh; UBND phường Kỳ Trinh và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ dự án
Lập hàng rào, biển báo xung quanh moong	Sau khi củng cố bờ moong	1,5 tháng		
San gạt moong khai thác	Sau khi xây dựng hàng rào, biển báo	1,0 tháng		
Tạo hệ thống thoát nước đáy mỏ	Sau khi san gạt moong khai thác	1,0 tháng		
Đổ đất, san gạt, trồng cây	Sau khi di dời máy móc, thiết bị	1,0 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm	Sau khi đổ đất, san gạt	03 năm		
<b>Cải tạo công trình phụ trợ, hồ lắng, bãi thải</b>				
Tháo dỡ, di chuyển nhà điều hành, trạm cân	Ngay khi kết thúc khai thác	0,5 tháng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thị xã Kỳ Anh; UBND phường Kỳ Trinh và cơ quan chức năng có liên	Chủ dự án
San lấp hồ lắng, bằng bãi chứa đất bóc tầng phủ	Ngay khi kết thúc khai thác	0,3 tháng		
Đổ đất, trồng cây	Sau khi san gạt mặt bằng	1,0 tháng		
Chăm sóc cây, trồng dặm	Sau khi đổ đất	03 năm		

<b>Hoạt động</b>	<b>Thời gian bắt đầu thực hiện</b>	<b>Tiến độ thực hiện</b>	<b>Cơ quan kiểm tra</b>	<b>Cơ quan thực hiện</b>
	trồng cây		quan	
<b>Cải tạo công trình ngoài phạm vi mỏ</b>				
Cải tạo tuyến đường vào mỏ và nạo vét mương thoát nước dọc tuyến đường vào mỏ	Ngay khi kết thúc khai thác	02 tháng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thị xã Kỳ Anh; UBND phường Kỳ Trinh và cơ quan chức năng có liên quan	Chủ dự án

Sau khi đã hoàn thành việc cải tạo, phục hồi môi trường, Chủ dự án lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền và thực hiện các nội dung liên quan đến đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật.

#### **B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**